

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày: 26/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nguyệt.

2. Ông Lê Văn Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2023/TLST-KDTM ngày 19/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A; trụ sở: D, lô A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Tấn Trần T; chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc - là người đại diện theo pháp luật; *vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T1; trụ sở: Thửa đất số 209 và 1934, tờ bản đồ số 142, tổ A, đường L, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thạch Trí Đ; chức vụ: Tổng giám đốc - là người đại diện theo pháp luật; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2021, nguyên đơn Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và bị đơn Công ty cổ phần T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có ký kết Hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp số 25102021/HT-ATTF ngày 25/10/2021 với nội dung chính như sau: Công ty A sẽ cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp cho Công ty T1; thời hạn hợp đồng là 01 năm (kể từ ngày 25/10/2021 đến ngày 01/11/2022); thời hạn thanh toán: vào ngày 10 hoặc 15 trong tháng đó kể từ ngày nhận được hoá đơn hợp

lệ; phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 01 lần vào tài khoản của Công ty A. Trường hợp chậm thanh toán quá 05 ngày thì Công ty T1 phải thông báo chính thức thời hạn quyết toán (không được quá 10 ngày), Công ty A có quyền ngưng phục vụ tạm thời nếu quá ngày thanh toán.

Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp từ tháng 11/2021 đến tháng 08/2022 và xuất hoá đơn giá trị gia tăng định kỳ mỗi tháng cho bị đơn theo đúng thoả thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tuy bị đơn có thanh toán công nợ nhưng không kịp thời và đầy đủ đã làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ (có kèm theo Bảng kê theo dõi công nợ quá hạn). Sau khi nhận được thông báo, bị đơn đã xác nhận còn nợ Công ty T1 còn nợ Công ty A số tiền 530.122.440đồng (tính đến hết ngày 22/8/2022) và cam kết sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ trước ngày 15/02/2023; trường hợp chậm thanh toán sẽ tự nguyện chịu tiền lãi phát tương ứng với số tiền còn nợ theo mức lãi suất của ngân hàng TMCP N. Bị đơn đã thanh toán số tiền 50.000.000đồng vào ngày 06/01/2023 và 30.000.000đồng vào ngày 20/4/2023, tổng cộng 80.000.000đồng; còn nợ lại 450.122.440đồng. Từ sau ngày 20/4/2023 cho đến nay, bị đơn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Theo hợp đồng, các bên thoả thuận trường hợp xảy ra tranh chấp không giải quyết được sẽ lựa chọn Tòa án kinh tế thành phố B để giải quyết tranh chấp là không phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn Công ty TNHH A khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần T1 đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần T1 phải trả cho Công ty A một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền còn nợ là: 450.122.440đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/02/2023 đến ngày 26/01/2024 với lãi suất 13%/năm là 10 tháng với số tiền 53.639.590đồng, tổng cộng là 503.762.030đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

* Bị đơn Công ty cổ phần T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền nợ dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp đối với bị đơn Công ty Cổ phần T1 có trụ sở tại Thửa đất số 209 và 1934, tờ bản đồ số 142, tổ A, đường L, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo qui định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung: Theo Hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp số 25102021/HT-ATTF ngày 25/10/2021 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn Công ty cổ phần T1: Những nội dung mà các bên thỏa thuận, xác lập trong hợp đồng là do các bên hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật nên là cơ sở pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp từ tháng 11/2021 đến tháng 08/2022 và xuất hoá đơn giá trị gia tăng định kỳ mỗi tháng theo đúng thoả thuận nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán và đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 530.122.440đồng (công nợ tính đến ngày 22/8/2022); đồng thời bị đơn đã có cam kết sẽ thanh toán toàn bộ công nợ trước ngày 15/02/2023 (*Biên bản xác nhận thanh toán công nợ; Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 15/11/2022*). Mặc dù các bên đã thống nhất thời hạn thanh toán công nợ nhưng bị đơn chỉ thanh toán được 02 lần với tổng số tiền 80.000.000đồng; còn nợ lại 450.122.440đồng được nguyên đơn thừa nhận; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc 450.122.440đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 16/02/2023 đến thời điểm xét xử vụ án.

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn lại là 450.122.440đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản xác nhận thanh toán công nợ; Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 15/11/2022 bị đơn đã xác nhận công nợ còn nợ tổng số tiền là 530.122.440đồng (tính đến ngày 22/8/2022) nhưng bị đơn chỉ thanh toán được 02 lần với tổng số tiền 80.000.000đồng; còn nợ lại 450.122.440đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 450.122.440đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ theo biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 15/11/2022, bị đơn đã xác nhận số tiền nợ gốc còn nợ nguyên đơn và cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số nợ trước ngày 15/02/2023 đồng thời tự nguyện chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tương ứng với số tiền còn nợ theo mức lãi suất của ngân hàng TMCP N. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thanh toán được 02 lần với tổng số tiền 80.000.000đồng; còn nợ lại 450.122.440đồng. Theo

biên bản xác minh tại Ngân hàng N1 - chi nhánh T2, Ngân hàng TMCP C - chi nhánh T3, Ngân hàng TMCP N- chi nhánh B thì mức lãi suất cho vay bình quân của 3 ngân hàng là 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 13% (lãi suất được tính = lãi suất 9%/năm x 150%) tính từ ngày 15/02/2023 đến ngày 26/01/2024 làm tròn thành 12 tháng đối số tiền chậm thanh toán là 58.109.556 đồng là không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 508.231.996 đồng.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 36, 39, 92, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điều 85, Điều 87 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn Công ty cổ phần T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần T1 phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH A tổng số tiền 508.231.996 đồng (năm trăm lẻ tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 450.122.440 đồng và tiền lãi chậm trả là 58.109.556 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn Công ty cổ phần T1 phải chịu 24.329.280 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm tám mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí 11.295.028 đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm hai mươi tám đồng) đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013196 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hoài Phương